

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH HƯNG  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST  
Ngày: 07 - 5 - 2021  
V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lâm Hồng Hải

Bà Nguyễn Thị Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hoàng- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn E, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Th, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp Q, xã Tr, huyện V, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958. Ấp H, xã T, huyện Th, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa ông E có mặt, ông ông Nh vắng mặt, bà H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Về yêu cầu và trình bày của ông E: Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020, ông E yêu cầu ông Nh trả 41.500.000 đồng; Đến ngày 25/02/2021 và tại phiên tòa ông E thay đổi yêu cầu, buộc ông Nh trả số tiền 31.500.000

đồng.

Về lý do yêu cầu ông Nh trả tiền được ông E trình bày như sau: Ông E được sự giới thiệu của người quen nên biết ông Nh. Do tin tưởng ông Nh am hiểu nhiều về pháp luật nên ông E đã nhờ ông Nh giúp đỡ nộp đơn khiếu nại liên quan đến vụ án của ông mà hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã xét xử trước đó nhưng ông không thống nhất bản án. Ông E đã đưa ông Nh tổng cộng 41.500.000 đồng (đưa 03 đợt: ngày 10/3/2016 đưa 28.500.000 đồng; ngày 28/3/2016 đưa 11.000.000 đồng; ngày 08/4/2016 đưa 2.000.000 đồng) để làm chi phí khiếu nại, bao gồm chi phí đi lại, làm đơn và chi phí khác nhằm giúp ông thắng vụ kiện, ông Nh cũng có hứa sẽ hoàn lại tiền cho ông nếu không xong việc. Tuy nhiên, ông Nh lấy tiền của ông nhưng không thực hiện như đã cam kết. Nay ông đồng ý cho ông Nh 10.000.000 đồng là chi phí mà ông Nh đã nộp đơn dùm ông qua đường bưu điện.

- Về ý kiến và trình bày của ông Nh: Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông E. Ông thừa nhận có nhận của ông E tổng cộng số tiền 41.500.000 đồng để làm chi phí đi lại và chi phí khiếu nại như ông E trình bày nhưng toàn bộ số tiền trên ông đã sử dụng làm chi phí đi lại để nộp đơn khiếu nại cho ông E.

- Về ý kiến và trình bày của bà H: Bà thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông E.

- Về ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định như: không chấp hành giấy báo của Tòa án, vắng mặt các buổi Hòa giải, công khai chứng cứ, phiên tòa....

Về nội dung vụ án: Ông Nh thừa nhận có nhận tiền của ông E để lo chi phí giải quyết vụ án cho ông E nhưng ông Nh không tích cực giải quyết vụ án; Ông Nh cũng có cam kết trong vòng 06 tháng hồ sơ của ông E sẽ được xét xử lại giám đốc thẩm nếu không ông Nh trả lại tiền cho ông E nhưng sau đó cấp giám đốc thẩm trả lời không có căn cứ để kháng nghị đối với vụ án của ông E. Do đó ông E yêu cầu ông Nh trả lại số tiền 31.500.000 đồng là có căn cứ. Từ các phân tích trên, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Chấp nhận yêu cầu của ông E về việc buộc ông Nh trả 31.500.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông E xác định có đưa ông Nh số tiền 41.500.000 đồng làm chi phí nộp đơn khiếu nại tại Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh giúp ông nhưng ông Nh không sử dụng hết số tiền của ông E vào việc khiếu nại và cấp

giám đốc thẩm không xem xét lại vụ kiện của ông E nên ông E đòi lại số tiền trên, ngoài ra ông E không còn tranh chấp gì thêm; Ông Nh không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp đòi tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn Nh có nơi cư trú tại xã Tr, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, còn ông Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự nêu trên là phù hợp Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về đánh giá chứng cứ: Ông Nh và ông E đều thống nhất trình bày ông Nh có nhận của ông E số tiền 41.500.000 đồng để làm chi phí nộp đơn khiếu nại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của ông E về việc buộc ông Nh trả số tiền 31.500.000 đồng:

Ông E cho rằng toàn bộ số tiền của ông đưa cho ông Nh là để làm thủ tục nộp đơn yêu cầu xử lại vụ án của ông E theo thủ tục giám đốc thẩm, nội dung này cũng được thể hiện trong các giấy biên nhận do ông Nh viết. Ông Nh cũng xác định số tiền trên ông nhận của ông E là để làm chi phí đi lại, chi phí khiếu nại và cho rằng đã sử dụng hết số tiền 41.500.000 đồng nhưng ông Nh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh các chi phí đã sử dụng. Vì vậy, việc ông Nh không đồng ý trả lại tiền cho ông E là không có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông E là phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

Tuy nhiên, ông E đồng ý cho ông Nh số tiền 10.000.000 đồng và nay chỉ yêu cầu ông Nh trả số tiền 31.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của ông E và có lợi cho ông Nh nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông E về việc buộc ông Nh trả 31.500.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông Nh phải chịu án phí có giá ngạch 5% đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, án phí được tính như sau: 31.500.000 đồng x 5% = 1.575.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn E về việc yêu cầu ông Lê Văn Nh trả lại số tiền 31.500.000 (ba mươi một triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Buộc ông Lê Văn Nh phải trả cho ông Bùi Văn E số tiền 31.500.000 (ba mươi một triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Lê Văn Nh phải chịu 1.575.000 (một triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa (ông Bùi Văn E) biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông Lê Văn Nh và bà Nguyễn Thị H) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Liễu**